Chi tiết mã HS 8708.40.29

Mã HS	8708.40.29
Mô tả hàng hóa	Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05 / - Hộp số và bộ phận của chúng: / - - Hộp số, đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 07:59:23
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/87084029/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17459
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17459
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17459
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-ID, PH, CN)	0% (trừ ID, PH, CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	1,8	1,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	1,8	1,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục F)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0/1,8/3,6; M: 0/2,7/5,4	0/1,8/3,6; M: 0/2,7/5,4	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E16773
ATIGA	2022	2022	0	AT!E16702
ATIGA	2023	2023	0	AT!F16702
ATIGA	2024	2024	0	AT!G16702
ATIGA	2025	2025	0	AT!H16702
ATIGA	2026	2026	0	AT!I16702
ATIGA	2027	2027	0	AT!J16702
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E16758
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	3	AJ!F16758
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	3	AJ!G16758

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	3	AJ!H16758
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	3	AJ!I16758
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	3	AJ!J16758
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	VJ!E16759
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	3	VJ!F16759
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	3	VJ!G16759
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	3	VJ!H16759
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	3	VJ!I16759
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	3	VJ!J16759
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AK!F16760
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H16719
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F16716
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G16716
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H16716
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I16716
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J16716
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K16716
VKFTA	2022	2022	7	VK!E16758
VKFTA	2023	2023	6	VK!F16758
VKFTA	2024	2024	5	VK!G16758
VKFTA	2025	2025	4	VK!H16758
VKFTA	2026	2026	3	VK!I16758
VKFTA	2027	2027	2	VK!J16758
VCFTA	2022	2022	20	VC!D16824
VCFTA	2023	2023	20	VC!E16824
VCFTA	2024	2024	5	VC!F16824

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	5	VC!G16824
VCFTA	2026	2026	5	VC!H16824
VCFTA	2027	2027	5	VC!I16824
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D16800
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E16800
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F16800
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G16800
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H16800
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I16800
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D16795
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E16795
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F16795
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G16795
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H16795
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I16795
EVFTA	2022	2022	9,3	EV-NK!D16815
EVFTA	2023	2023	7,5	EV-NK!E16815
EVFTA	2024	2024	5,6	EV-NK!F16815
EVFTA	2025	2025	3,7	EV-NK!G16815
EVFTA	2026	2026	1,8	EV-NK!H16815
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I16815
UKVFTA	2022	2022	9,3	UKV!D16814
UKVFTA	2023	2023	7,5	UKV!E16814
UKVFTA	2024	2024	5,6	UKV!F16814
UKVFTA	2025	2025	3,7	UKV!G16814
UKVFTA	2026	2026	1,8	UKV!H16814

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I16814
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)		CPTPP!16833
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)		CPTPP!16833
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)		CPTPP!16833
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)		CPTPP!16833
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)		CPTPP!16833
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)		CPTPP!16833
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)		CPTPP!16833
RCEP A	2022	2022	15	RCEPT-A!D16785
RCEP A	2023	2023	15	RCEPT-A!E16785
RCEP A	2024	2024	15	RCEPT-A!F16785
RCEP A	2025	2025	15	RCEPT-A!G16785
RCEP A	2026	2026	15	RCEPT-A!H16785
RCEP A	2027	2027	15	RCEPT-A!I16785
RCEP B	2022	2022	15	B!D16785
RCEP B	2023	2023	15	B!E16785
RCEP B	2024	2024	15	B!F16785
RCEP B	2025	2025	15	B!G16785
RCEP B	2026	2026	15	B!H16785
RCEP B	2027	2027	15	B!I16785
RCEP C	2022	2022	*	C!D16783
RCEP C	2023	2023	*	C!E16783
RCEP C	2024	2024	*	C!F16783
RCEP C	2025	2025	*	C!G16783
RCEP C	2026	2026	*	C!H16783
RCEP C	2027	2027	*	C!I16783

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	15	D!D16782
RCEP D	2023	2023	15	D!E16782
RCEP D	2024	2024	15	D!F16782
RCEP D	2025	2025	15	D!G16782
RCEP D	2026	2026	15	D!H16782
RCEP D	2027	2027	15	D!I16782
RCEP E	2022	2022	15	E!D16786
RCEP E	2023	2023	15	E!E16786
RCEP E	2024	2024	15	E!F16786
RCEP E	2025	2025	15	E!G16786
RCEP E	2026	2026	15	E!H16786
RCEP E	2027	2027	15	E!I16786
RCEP F	2022	2022	15	F!D16785
RCEP F	2023	2023	15	F!E16785
RCEP F	2024	2024	15	F!F16785
RCEP F	2025	2025	15	F!G16785
RCEP F	2026	2026	15	F!H16785
RCEP F	2027	2027	15	F!I16785
VIFTA	2024	2024	12	VI!F15736
VIFTA	2025	2025	9	VI!G15736
VIFTA	2026	2026	6	VI!H15736
VIFTA	2027	2027	3	VI!I15736

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 15%, RCEP (Phụ lục B) 15%, RCEP (Phụ lục D) 15%, RCEP (Phụ lục E) 15%, RCEP (Phụ lục F) 15%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (15%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 15%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8708.40 có 11 dòng thuế; dòng 8708.40.29 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8708.40.11 Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03; 8708.40.13 Dùng cho xe thuộc nhóm 87.04 hoặc 87.05; 8708.40.14 Dùng cho xe thuộc nhóm 87.01; 8708.40.19 Loại khác; 8708.40.25 Dùng cho xe thuộc nhóm 87.01; 8708.40.26 Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8708.40.29 có mã Chương 98 tương ứng 9845.80.00 (thuế MFN riêng: 20%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- Hộp giảm tốc trục vít - bánh vít	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8708.40.29 có mã Chương 98 tương ứng 9849.34.46 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- - - - Loại khác	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8708.40.29. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 8708.40.29 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17459), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.